

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 679/2025/DS-PT  
Ngày: 09 – 9 - 2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản, hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan;

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X – Đồng Tháp (Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 972/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Lê Thị Kim C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ).

**Người đại diện hợp pháp:** Đặng Thị Huỳnh Cẩm Q, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp X, xã T, Thành phố Cần Thơ.

(ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cũ).

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/8/2025;

**\* Bị đơn:**

- Trần Văn L, sinh năm 1962;

- Lê Thị Yến C1, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn L: Nguyễn Xuân Q1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: D L, phường T, tỉnh Đồng Tháp (D L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ).

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2025.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Hồ Văn V, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ).

\* *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn L và bà Lê Thị Yến C1.

(Có mặt: bà Đặng Thị Huỳnh Cẩm Q, bà Lê Thị Yến C1, ông Nguyễn Xuân Q1. Vắng mặt: ông Hồ Văn V).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo án sơ thẩm;***

\* *Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:*

Do quen biết là hàng xóm với nhau, nên vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị Yến C1 có mượn tiền và tham gia chơi hụi do bà C làm chủ. Cụ thể như sau:

-Về tiền hụi: Từ năm 2019 đến năm 2024, bà C1 có tham gia nhiều dây hụi do bà C làm chủ, quá trình chơi hụi bà C1 còn nợ lại tiền hụi chết của các dây hụi đã mãn tính đến ngày 02/7/2024 là 179.000.000 đồng và bà C1 có viết giấy biên nhận cho bà C.

Ngoài ra, bà C1 có tham gia chơi 05 dây hụi do bà C làm chủ đến cuối năm 2024 và đầu năm 2025 mới mãn, cụ thể:

+ Hụi khai đầu ngày 20/01/2023 là 04 dây mở cùng ngày, hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, mỗi dây gồm 24 phần, kết thúc vào tháng 11/2024, bà C1 tham gia mỗi dây 01 phần. Trong đó:

Có 01 dây hụi bà C1 đã hốt ở kỳ khai ngày 20/3/2023, sau khi hốt bà C1 đóng hụi chết đến kỳ 20/3/2024 thì ngưng, từ ngày 20/4/2024 đến hụi mãn còn lại 08 kỳ hụi chết bà phải đóng choàng 16.000.000 đồng.

Có 01 dây hụi bà C1 đã hốt ở kỳ khai ngày 20/02/2023 với số tiền 37.000.000 đồng và 02 dây hốt ở kỳ khai ngày 20/3/2023 với số tiền 94.000.000 đồng. Sau khi hốt, bà C1 đóng hụi đầy đủ đến tháng 8/2023 thì ngưng và bà C1 báo lại là 03 phần trong 03 dây hụi này bà chơi dùm cho cháu gái bà là chị Nguyễn Thị N (đã chết vào tháng 8/2023) và chị N chưa hốt hụi mà do bà C1 mượn hốt trước, nay chị N chết chồng chị N là ông Hồ Văn V sẽ không nhờ bà C1 góp hụi nữa mà trực tiếp tham gia. Bà C1 năn nỉ bà khi nào ông V hốt hụi thì

bà C1 sẽ đưa tiền để bà giao hụi cho ông V. Đến lúc ông V hốt hụi dây đầu tiên thì bà C1 có đưa lại số tiền 37.000.000 đồng để bà giao hụi cho ông V, còn lại 02 dây ông V hốt khi hụi mãn thì bà C1 đã bỏ trốn khỏi địa phương, bà C phải đóng choàng, nên 02 dây hụi này bà C1 vẫn còn nợ bà C 94.000.000 đồng.

+ Hụi khai đầu ngày 05/3/2023, hụi loại 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi gồm 27 phần, bà C1 tham gia 01 phần và đã hốt ở kỳ khai ngày 05/7/2023 với số tiền 21.000.000 đồng, sau khi hốt bà C1 đóng hụi chết 01/2024 thì ngưng, từ ngày 05/02/2024 đến khi hụi mãn còn lại 16 kỳ, bà phải đóng choàng cho bà C1 16.000.000 đồng.

Số tiền hốt hụi này bà C1 còn thiếu lại bà là 162.000.000 đồng, nhưng do khi giao hụi cho vợ chồng bà C1, bà C đã không giữ lại giấy biên nhận giao tiền, tại phiên hòa giải ngày 20/3/2025 bà C1 chỉ thừa nhận nợ tiền hụi 20.000.000 đồng, nên bà C cũng đồng ý với lời thừa nhận nợ hụi của bà C1.

-Về tiền vay: Ngày 05/01/2024, bà C1 có nhờ bà vay dùm số tiền 264.000.000 đồng để trả tiền vật tư xây nhà, lãi suất thỏa thuận 1,667%/tháng. Số tiền này bà C1 đã đóng lãi được 03 tháng, mỗi tháng 4.400.000 đồng. Từ ngày 05/4/2024 đến nay bà C1 không đóng lãi tiếp.

Nay bà C yêu cầu vợ chồng bà C1, ông L có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc gồm 179.000.000 đồng tiền nợ hụi theo giấy biên nhận, 20.000.000 đồng tiền nợ hụi theo thừa nhận của bà C1 và 264.000.000 tiền vay theo giấy biên nhận, tổng cộng là 463.000.000 đồng. Về tiền lãi bà C yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,667%/tháng; đối với tiền hụi 179.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 02/7/2024 đến ngày 10/02/2025 là 21.678.889 đồng; đối với tiền vay 264.000.000 đồng tạm tính từ ngày 05/4/2024 đến ngày 10/02/2025 là 44.733.333 đồng; đối với số tiền nợ hụi 20.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi; và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 10/02/2025 đến khi xét xử. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Việc vay tiền và tham gia các dây hụi giữa chị Lê Thị Kim C và vợ ông là bà Lê Thị Yến C1 ông hoàn toàn không biết và cũng không có nhận bất kỳ số tiền nào từ bà C. Do đó, nay bà C khởi kiện ông có nghĩa vụ cùng trả nợ với bà C1, ông không đồng ý.

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị Yến C1 trình bày:*

Từ năm 2019 đến năm 2024 bà có tham gia nhiều dây hụi do bà C làm chủ thảo, cụ thể từng dây bà không nhớ rõ nhưng từ năm 2022 bà bắt đầu nợ tiền hụi bà C dần dần, đến ngày 02/7/2024 hai người đối chiếu sổ sách với nhau thì bà còn nợ bà C 179.000.000 đồng tiền hụi, bà có ký tên và ghi họ tên vào giấy biên

nhận nợ hui do bà C cung cấp. Nay bà đồng ý trả cho bà C số tiền nợ hui 179.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 02/7/2024 đến nay.

Về tiền vay, từ năm 2022 đến năm 2024 bà có vay tiền của bà C nhiều lần, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả. Đến ngày 05/01/2024 hai người đối chiếu sổ sách thì bà còn nợ bà C 264.000.000 đồng tiền vay, bà có ký tên và ghi họ tên vào giấy biên nhận nợ do bà C cung cấp. Nay bà đồng ý trả cho bà C số tiền nợ vay 264.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày viết biên nhận 05/01/2024 đến nay, đối với số tiền lãi đã trả cho bà C thì bà không có yêu cầu trừ lại.

Ngoài ra, ngày 20/01/2023 bà có tham gia vào dây hui loại 2.000.000 đồng/tháng do bà C làm chủ, dây hui gồm 24 phần, bà tham gia 02 phần và đã hót ở hai kỳ khai đầu tiên. Sau khi hót hui, bà đóng lại hui chết đến tháng 6/2024 thì ngưng, còn nợ lại bà C hui chết tính đến mãi là 05 kỳ (từ tháng 07/2024 đến tháng 11/2024) với số tiền là 20.000.000 đồng. Toàn bộ ngày tháng bà và bà C sử dụng đều là ngày âm lịch, nhưng do giấy biên nhận không ghi ngày âm lịch và tại phiên tòa đại diện bà C trình bày là ngày dương lịch, bà cũng thống nhất tính theo ngày dương lịch.

Số tiền nợ hui và nợ vay bà sử dụng vào mục đích chữa bệnh mắt của bà, đầu tư chăn nuôi bò và đắp vào đóng lãi. Đây là nợ của cá nhân bà, nên bà đề nghị không đưa ông L có nghĩa vụ cùng trả nợ với bà.

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn V trình bày:*

Trước đây ông có nghe vợ ông là chị Nguyễn Thị N kể lại là có tham gia 03 phần hui trong dây hui loại 2.000.000 đồng/tháng do bà C làm chủ thông qua bà Lê Thị Yến C1 tham gia thay; nên khi vợ ông mất (tháng 8/2023), thì ông trực tiếp tham gia hui với bà C. Quá trình tham gia hui với bà C ông đã hót cả 3 phần hui và cũng đóng lại hui chết đầy đủ đến khi hui mãn. Đối với vụ kiện tranh chấp giữa bà C và bà C1, ông L ông không có liên quan và cũng không có ý kiến gì, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Trần Văn L và bà Lê Thị Yến C1 trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền nợ gốc gồm 179.000.000 đồng tiền nợ hui theo giấy biên nhận, 20.000.000 đồng tiền nợ hui theo lời thừa nhận của bà C1 và 264.000.000 tiền vay theo giấy biên nhận, tổng cộng là 463.000.000 đồng. Về tiền lãi, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu tính lãi là yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng; đối với tiền hui 179.000.000 đồng tính lãi từ

ngày 02/7/2024 đến ngày xét xử là 10 tháng 21 ngày; đối với tiền vay 264.000.000 đồng tính lãi từ ngày 05/4/2024 đến ngày xét xử là 13 tháng 18 ngày; đối với số tiền nợ hui 20.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật

- Bị đơn bà Lê Thị Yến C1 đồng ý trả số tiền nợ gốc 463.000.000 đồng cho bà C, về tiền lãi bà chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Về nghĩa vụ trả nợ bà đồng ý một mình trả nợ cho bà C, số tiền nợ này là nợ của cá nhân bà do điều trị bệnh mắt cho bản thân bà, điều trị bệnh cho con, đầu tư chăn nuôi bò, trồng trọt, phục vụ sinh hoạt gia đình, ông L không liên quan, mặc dù hàng ngày ông L đi làm thuê về vẫn đưa tiền để phụ giúp với bà nhưng cũng không đủ trang trải các chi phí của gia đình.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ) đã áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C.

1. Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị Yến C1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền nợ gốc là 463.000.000 đồng và tiền lãi 45.697.000 đồng, tổng cộng là 508.697.000 đồng (năm trăm lẻ tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; ông L, bà C1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

\* Ngày 06 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông Trần Văn L và bà Lê Thị Yến C1 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về

việc buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ liên đới với bà Lê Thị Yến C1 trả tiền nợ vay và tiền hui cho nguyên đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn Trần Văn L giữ nguyên kháng cáo, bà Lê Thị Yến C1 rút toàn bộ kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Yến C1; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Trần Văn L, bà Lê Thị Yến C1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về rút kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Yến C1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bà Lê Thị Yến C1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Quá trình tố tụng, bà Lê Thị Yến C1 và bà Lê Thị Kim C thống nhất xác định: bà Lê Thị Yến C1 còn nợ bà Lê Thị Kim C 508.697.000 đồng (gồm tiền hui 199.000.000 đồng, tiền vay 264.000.000 đồng, tiền lãi 45.697.000 đồng) và xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Bà Lê Thị Yến C1 thừa nhận số tiền nợ bà Lê Thị Kim C bà đã dùng để làm chi phí chữa bệnh cho bà, bệnh của con chung giữa bà và ông Trần Văn L, phục vụ sinh hoạt chung gia đình, đầu tư làm kinh tế tạo thu nhập cho gia đình.

Với những tình tiết nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn L liên đới cùng bà Lê Thị Yến C1 trả cho bà Lê Thị Kim C số nợ 508.697.000 đồng là đúng quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Bà Lê Thị Yến C1 rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Trần Văn L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
  - Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị Yến C1.
  - Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ) về nghĩa vụ dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- + Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C.
- + Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị Yến C1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền nợ 508.697.000 đồng (gồm nợ gốc là 463.000.000 đồng, lãi 45.697.000 đồng).

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Yến C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà C1 đã nộp theo biên lai thu số 0010870 ngày 06/6/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực X – Đồng Tháp (Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang cũ) thành án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND khu vực X - ĐT;
- Phòng THADS khu vực X - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Huy**